

Số: 01 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO
MỜI DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 xin thông báo và trân trọng kính mời các quý cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 10 (Mã chứng khoán SDT) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

1. Thời gian: Từ 7h 30 phút, ngày 22/5/2018.

2. Địa điểm: Phòng họp tầng 27, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Đối tượng tham dự: cổ đông sở hữu vốn của Công ty cổ phần Sông Đà 10 theo Danh sách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4. Nội dung Đại hội:

Đại hội xem xét các nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT (bao gồm kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018).
- BCTC năm 2017 đã kiểm toán.
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Phương án phân phối lợi nhuận 2017.
- Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2018.
- Ủy quyền chấp thuận hợp đồng cho HĐQT.
- Ban hành lại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Miễn nhiệm và bầu thay thế 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ III.
- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Các tài liệu chi tiết kính đề nghị quý cổ đông xem trên trang điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.songda10.com.vn

Để tạo điều kiện thuận tiện cho việc bố trí địa điểm và đón tiếp cổ đông được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp với Ban tổ chức bằng cách điện thoại, gửi hoặc Fax Giấy đăng ký/Ủy quyền dự họp đến Văn phòng Công ty theo địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Tầng 10 toà nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng - Mỹ Đình 1 -
Nam Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 04.37683998 Fax: 04.37683991/7.

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ với ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Công ty, số điện thoại 02437878242.

Rất mong các quý vị cổ đông quan tâm, tham dự ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT HN;
- TVHĐQT, TVBKS, Ban TGD;
- Các phòng ban Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu TCNS.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN NGỌC LAN

- Trường hợp Quý vị cổ đông không có điều kiện tham dự Đại hội có thể uỷ quyền cho người khác tham dự (theo mẫu Giấy uỷ quyền gửi kèm Thông báo mời họp cho từng cổ đông).
- Cổ đông đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thông báo mời họp, CMND và Giấy uỷ quyền (nếu có) và các tài liệu gửi kèm theo thư mời này.
- Các cổ đông thực hiện quyền đề cử ứng viên thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và theo hướng dẫn tại “Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS của Công ty cổ phần Sông Đà 10” đã đăng trên Website của Công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN/ THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10**

....., ngày tháng năm 2018.



Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10

- **Họ và tên cổ đông :**
- Mã cổ đông :
- Số CMND/HC/ĐKKD:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Căn cứ Giấy mời họp của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10, tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

NỘI DUNG	CHỮ KÍ CỦA CỔ ĐÔNG
(1). Trực tiếp tham dự	(2)
(3). Ủy quyền cho người khác tham dự và thực hiện toàn bộ quyền cổ đông, chi tiết như sau: - Bên nhận ủy quyền : - Số CMND/HC/ĐKKD : - Ngày cấp: Nơi cấp..... Chữ kí của bên nhận ủy quyền (ghi rõ họ tên):	(4)
Hoặc Quý cổ đông có thể ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng - Chủ tịch Công đoàn Công ty (tích vào ô trống): <input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn ghi giấy ủy quyền:

- Nếu Quý cổ đông trực tiếp tham dự: ký xác nhận vào ô số (2).
- Nếu Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự: ký xác nhận vào ô số (4) . Người được ủy quyền điền đầy đủ thông tin và ký xác nhận vào ô số (3).
- Các giấy ủy quyền khác với mẫu này vẫn được chấp nhận nếu được lập theo đúng các qui định của pháp luật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

(V/v: đề cử ứng viên để bầu thay thế 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2020)



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10

Cổ đông:

Họ và tên cổ đông:

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần tương ứng tỷ lệ% VDL, trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

Hoặc:

Nhóm cổ đông có danh sách kèm theo (họ tên, số cổ phần sở hữu của từng cổ đông và tổng số cổ phần của cả nhóm)

- Tổng số cổ phần sở hữu: cổ phần tương ứng tỷ lệ% VDL, trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

- Đại diện nhóm cổ đông:

Số điện thoại liên hệ của cổ đông/nhóm cổ đông:

Đề cử ứng viên để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kì 2016-2020 của Công ty CP Sông Đà 10:

Họ và tên ứng viên: Sinh ngày:/...../.....

- Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

- Quê quán:

- Địa chỉ thường trú:

- Nơi ở hiện nay:.....

- Trình độ chuyên môn:.....

- Quá trình công tác:

- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác:.....

Tôi/chúng tôi cam kết: có quyền đề cử/ứng cử theo quy định; ứng viên được đề cử có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đảm nhiệm chức vụ theo qui định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

....., ngày..... tháng năm
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là nhóm cổ đông phải có đủ chữ ký của từng cổ đông trong danh sách kèm theo)

- Kèm theo Đơn đề cử, ứng viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ trung thực nếu trúng cử.
- Cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện việc đề cử theo hướng dẫn tại "Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS của Công ty cổ phần Sông Đà 10".



Số: 01/PBQ

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2018

PHIẾU BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Tên cổ đông :Mã cổ đông.....
Tên đại diện cổ đông :
Số CMND/HC/ĐKKD :
Địa chỉ :
Số phiếu biểu quyết (bằng số lượng cổ phần sở hữu):.....

Loại cổ phần: Phổ thông.

Nội dung biểu quyết:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị công ty và tình hình thực hiện nhiệm vụ 2017, kế hoạch 2018.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Thông qua Báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Thông qua BC kiểm soát hoạt động SXKD 2017, KH 2018 của Ban kiểm soát.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Thông qua báo cáo của HĐQT về chi trả tiền lương, thù lao năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 cho HĐQT, BKS.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán 2018.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Thông qua ủy quyền cho HĐQT chấp thuận hợp đồng.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

8. Thông qua Điều lệ.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(ký, ghi rõ họ tên)



Số: 02/PBQ

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2018

**PHIẾU BẦU VÀ MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP SÔNG ĐÀ 10, NHIỆM KỲ III**

Tên cổ đông :MCD:.....

Tên đại diện :

Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện:..... cổ phần.

Số phiếu bầu thành viên HĐQT: (số cổ phần x 03).

I. Miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020:

1) Ông Trần Ngọc Lan:

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2) Ông Vũ Văn Tính:

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3) Ông Nguyễn Văn Bảy:

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

II. Bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020:

TT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	GHI CHÚ
1			
2			
3			
4			

Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

CỔ ĐÔNG (ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG)

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10**

**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG
NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
NĂM 2018**

Hà Nội - Tháng 4/2018

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

- 1) Thời gian tổ chức: ngày 22/5/2018.
- 2) Địa điểm: Hội trường Tầng 27, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- 3) Chương trình Đại hội:

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	- Kiểm tra công tác thực hiện đăng kí quyền tham dự Đại hội.	7h 30-:- 8h	Ban tổ chức
II	- Tuyên bố lí do. - Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h	Ban tổ chức
III	Các nội dung trình Đại hội		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h -:- 8h 05	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.	8h 05 -:- 8h 10	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí Đại hội; bầu Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu.	8h 10 -:- 8h 15	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	8h 15 -:- 8h 25	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày các tờ trình, báo cáo:	8h25 -:- 10h	Đoàn Chủ tịch
5.1	Báo cáo hoạt động của HĐQT (bao gồm kết quả kinh doanh 2017 và kế hoạch 2018).		
5.2	Báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán.		
5.3	Báo cáo của Ban kiểm soát.		
5.4	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.		
5.5	Tờ trình quyết toán lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018.		
5.6	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán 2018.		

5.7	Tờ trình ủy quyền cho HĐQT chấp thuận hợp đồng.		
5.8	Tờ trình ban hành lại Điều lệ Công ty và ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị công ty.		
5.9	Tờ trình miễn nhiệm và bầu thay thế 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ III.		
6	Đại hội thảo luận, bầu và biểu quyết các vấn đề đã nêu.	10h -:- 10h30	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h 30 -:- 11h	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h -:- 11h 10	Ban kiểm phiếu & Đoàn Chủ tịch
9	Thông qua biên bản cuộc họp.	11h 10-:- 11h 20	Ban thư kí & Đoàn Chủ tịch
10	Thông qua Nghị quyết của Đại hội.	11h20 -:- 11h30	Đoàn Chủ tịch
IV	Bế mạc Đại hội.	11h 30	Đoàn Chủ tịch

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Sông Đà 10 như sau:

Điều 1: Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ toạ Đại hội.

Điều 2: Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch.

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 3: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

Điều 4: Thư ký đại hội gồm 2 người do Chủ toạ đại hội cử. Thư ký đại hội thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của mình.

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 5: Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 2 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Theo Điều lệ Công ty, Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 6: Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 3 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: hướng dẫn biểu quyết, bầu thành viên BKS, tập hợp, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

Điều 7: Cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Các cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

Trong quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.

Cổ đông giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản, quản lý tài liệu, không sao chép ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội.

Điều 8: Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua thư ký Đại hội) khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 9: Biểu quyết.

* Mỗi cổ đông dự họp được phát 03 phiếu biểu quyết (01 phiếu màu xanh, 02 phiếu màu trắng) tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo nội dung của Đại hội.

* Quy ước biểu quyết:

a) Phiếu biểu quyết màu xanh: Dùng để biểu quyết các nội dung sau đây:

- Biểu quyết thông qua chương trình của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua quy chế làm việc của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Biểu quyết thông qua Ban thư ký Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu.
- Biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội.
- Các vấn đề khác tại đại hội.

Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết trực tiếp. Trong trường hợp có ý kiến không tán thành hoặc có ý kiến khác với đề nghị của Đoàn chủ tịch, sẽ tiến hành kiểm phiếu và thông báo ngay tại đại hội.

b) 01 phiếu biểu quyết màu trắng: Dùng để biểu quyết bằng cách tích ý kiến của mình vào 1 trong 3 ô vuông: tán thành, không tán thành, không có ý kiến gồm các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (bao gồm kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch 2018).

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.

- Thông qua báo cáo của HĐQT về chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018.

- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018.

- Thông qua ủy quyền phê chuẩn hợp đồng cho HĐQT.

- Thông qua Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

* Thể thức biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tập hợp phiếu biểu quyết: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp báo cáo bằng biên bản kiểm phiếu và được công bố trước khi bế mạc Đại hội.

- Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi: Đạt tỷ lệ ít nhất 51% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự tán thành. Việc thông qua Điều lệ Công ty phải đạt tỉ lệ ít nhất 65 % số phiếu có quyền biểu quyết tham dự tán thành.

Điều 10: Bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ III:

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kì III cần bầu thay thế: 03 thành viên.

- Nhiệm kỳ: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

Việc đề cử, ứng cử và bầu cử được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo hướng dẫn tại “Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS” được ban hành kèm theo Quyết định số 17 SĐ10/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2018 của Hội đồng quản trị và đã được đăng tải trên Website Công ty từ ngày ban hành. Các cổ đông sử dụng mẫu đơn đề cử đăng tải trên Website Công ty, các ứng viên phải có cam kết kèm theo đơn đề cử.

Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn các cổ đông cách thức bầu cụ thể.

Các đại biểu được phát 01 phiếu màu trắng để miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT. Kết quả bầu cử được công bố ngay tại Đại hội sau khi có kết quả kiểm phiếu.

Điều 11: Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Những nội dung chưa được quy định trong quy chế này hoặc phát sinh trong quá trình Đại hội sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Sông Đà 10. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thành công và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN NGỌC LAN



Số: 2 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017, KẾ HOẠCH NĂM 2018

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình quản trị công ty cũng như việc quản lý, điều hành Công ty trong năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017.

Trong năm 2017 mặc dù kinh tế chung cả nước có nhiều cải thiện nhưng một số Chủ đầu tư vẫn còn khó khăn về vốn nên công tác tài chính của Công ty vẫn còn gặp khó khăn. Mặc dù vậy, dưới sự quản lý của Hội đồng quản trị, sự điều hành của bộ máy điều hành các cấp, cùng với tinh thần lao động sáng tạo của tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành các mục tiêu:

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
- Đáp ứng mục tiêu tiến độ các công trình, đảm bảo chất lượng được các Chủ đầu tư đánh giá cao.
- Đảm bảo thu nhập và việc làm cho hơn 1.200 lao động.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động.
- Uy tín và thương hiệu của Công ty được khách hàng đánh giá cao.

1) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- a) Tổng giá trị SXKD: 1.524,578/1.330 tỷ đồng, đạt 114,6% KH năm.
- b) Doanh số: 1.587,676/1.440 tỷ đồng, đạt 110% KH năm.
- c) Doanh thu: 1.461,990/1.310 tỷ đồng, đạt 111% KH năm.
- d) Nộp nhà nước: 64,789/113,560 tỷ đồng, đạt 57% KH năm.
- e) Lợi nhuận trước thuế: 52,467/81,3 tỷ đồng, đạt 64,5% KH năm.
- f) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu: 3,59%/6,21%, đạt 58% KH năm.
- g) Thu nhập bình quân CBCNV: 12,8/10,5 triệu đồng/người/tháng, đạt 122% KH năm.
- h) Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 856,639/831,195 tỷ đồng, đạt 103% KH năm.
- i) Kết quả thực hiện đầu tư: 65,598/213,311 tỷ đồng, đạt 30,75% KH năm (trong đó: đầu tư thiết bị thi công 54,999 tỷ đồng, góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan 10,599 tỷ đồng).
- j) Mục tiêu tiến độ các công trình: Về cơ bản Công ty đạt được các mục tiêu tiến độ theo kế hoạch đã đề ra, đạt và vượt yêu cầu của Chủ đầu tư theo các hợp đồng đã ký kết.

2) Các mặt còn hạn chế:

- Giá trị công nợ còn lớn. Nguyên nhân là do tại một số công trình Chủ đầu tư chưa thu xếp được vốn nên chậm thanh toán cho các đơn vị thi công như tại công trình thủy điện Đăkrinh, hầm Cổ Mã, hầm Đèo Cả và đặc biệt là tại công trình thủy điện Nậm Chiến 1 và Xekaman3 chủ đầu tư không vay được vốn dẫn tới công nợ tính đến ngày 31/12/2017 tại 2 công trình này lên đến 466,777 tỷ đồng và công trình thủy điện Nậm He công nợ là 108 tỷ đồng.

- Lợi nhuận thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân do:

+ Do dự toán thanh toán tại một số công trình giảm: tại một số công trình, giá dự toán điều chỉnh sau khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra để phục vụ công tác thanh quyết toán giảm so với dự toán ban đầu như: Công trình hầm đường bộ qua Đèo Cả, công trình hầm cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, thủy điện Sơn La

+ Do chi phí lãi vay tăng: Trong năm 2017, Công ty có các khoản công nợ phải thu tiền khối lượng xây lắp với số tiền lớn chưa thu hồi được do Chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn thanh toán (công trình thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3, Nậm Chiến, Nậm He, Nậm Ly). Để giải quyết nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, công ty đã phải tăng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng dẫn đến chi phí lãi vay tăng cao.

+ Trong năm 2017, Công ty tham gia thi công một số công trình đấu thầu với mức độ cạnh tranh cao. Do vậy, tỷ suất lợi nhuận tại các công trình này thấp hơn so với công trình giao thầu trong năm 2016.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT.

1) Hoạt động của HĐQT trong năm 2017.

Trong năm qua tập thể HĐQT gồm 5 thành viên đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thông qua để chỉ đạo và giám sát các hoạt động SXKD, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 thể hiện ở các mặt công tác sau:

a) Công tác tổ chức, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

- Hoàn thành việc sắp xếp lại các phòng ban chức năng, thành lập thêm các đội công trình để phù hợp với tình hình thực tế.

- Sắp xếp lại nhân sự ở các đơn vị trực thuộc cho phù hợp, nhất là ở XN Sông Đà 10.2 sau khi sáp nhập XN Sông Đà 10.4.

b) Công tác kế hoạch:

- Trên cơ sở kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua, hàng quý HĐQT đều phê duyệt KHSXKD quý và kiểm điểm kết quả thực hiện KHSXKD của quý trước.

- Chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018.

c) Công tác xây dựng và ban hành các quy chế quản lý:

- Kịp thời ban hành mới và ban hành lại (sửa đổi) một số quy chế, quy định quản lý của Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc tháo gỡ những vướng mắc, rào cản trong quá trình điều hành của Ban Tổng giám đốc.

d) Về công tác chỉ đạo sản xuất:

- HĐQT đã tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu tiến độ các công trình, đặc biệt quan tâm các vấn đề liên quan đến quyền lợi kinh tế của đơn vị: đơn giá, dự toán, khối lượng phát sinh, công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn. Các thành viên HĐQT giữ trọng trách trong Ban điều hành đã bám sát vào các mục tiêu

tiến độ theo hợp đồng đã ký kết với tổng thầu hoặc chủ đầu tư để triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách quyết liệt.

e) Về công tác kinh tế- tài chính và đầu tư:

- Công tác kinh tế - tài chính:
- + Về cơ bản đã đảm bảo đủ vốn cho hoạt động SXKD.
- + Thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho các ngân hàng tương đối đúng hạn và thực hiện công tác đảo nợ để giảm lãi suất tương đối kịp thời.
- + Bám sát tình hình vốn của Chủ đầu tư, đôn đốc quyết liệt để chủ đầu tư ứng vốn và thanh toán kịp thời cho đơn vị.
- + Thoái vốn các khoản đầu tư tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Tây Bắc và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà.
- + Công tác thu hồi công nợ được đặc biệt quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên do các Chủ đầu tư thiếu vốn nên công nợ vẫn tồn đọng nhiều.
- + Việc trả lương cho người lao động về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đề ra, kết thúc năm âm lịch 2017, Công ty đã trả hết lương tháng 11 và lương tháng 13.
- + Một số tồn tại trong công tác tài chính, tín dụng: dư nợ vay ngân hàng tăng cao so với đầu năm.
- Về công tác đầu tư:
- + Chỉ đạo việc đầu tư thiết bị phù hợp với tiến độ thi công nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay.
- + Chỉ đạo việc đầu tư vào Dự án BT Cam Lộ - Túy Loan theo quy định và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

f) Về công tác thị trường:

Trong năm 2017, đã tiếp thị, tham gia chào giá, đấu thầu nhiều công trình trong nước và nước ngoài và đạt được những kết quả khả quan. Đã ký kết hợp đồng thi công xây lắp các công trình với tổng giá trị là 1.022 tỷ đồng, bao gồm:

- Gói thầu tuyến năng lượng – DA thủy điện Nậm Cẩu 2: 67 tỷ đồng;
- Các hạng mục của phương án phát điện dài hạn – DA thủy điện Sekaman 3: 210 tỷ đồng;
- Xây lắp và khảo sát, TKBVTC hầm Mũi Trâu – giai đoạn mở rộng (Km47+421-KM49+448.10): 730 tỷ đồng;
- Các công trình khác: 15 tỷ đồng.

g) Về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.

- HĐQT đã giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Đã phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả SXKD và các mặt quản lý khác.
- Chỉ đạo Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện kiểm tra công tác quản lý và hạch toán SXKD định kỳ 6 tháng và cả năm đối với tất cả các đơn vị trực thuộc và cơ quan Công ty.

2) Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT.

a) Lương, thù lao của HĐQT.

- Tổng tiền lương, thù lao được phép chi: **1.010.616.000** đồng.
- Số đã chi trả: **572.000.000** đồng.
- Số chưa chi: **438.616.000** đồng.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT.

Trong năm 2017, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không cấp thêm bất kì một khoản kinh phí nào khác cho HĐQT cũng như từng thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp toàn thể 10 lần, các vấn đề khác HĐQT tổ chức xin ý kiến các thành viên để ban hành Nghị quyết/Quyết định. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò, nhiệm vụ của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện đồng thời Công ty cũng gửi các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng lên Website của Công ty theo các qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết và 88 Quyết định để thực hiện công tác quản lý Công ty.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH.

HĐQT đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hằng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phê duyệt kế hoạch SXKD quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả SXKD và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

V. KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM.

1) Thuận lợi và khó khăn:

a) Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế, chính trị của đất nước ổn định, lãi suất cho vay đang duy trì ở mức trung bình từ 8%-10%/năm.

- Đảng và Nhà nước tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển hạ tầng như: giao thông, năng lượng, nhiều dự án đầu tư lớn đã được Chính phủ trình ra quốc hội.

- Thị trường xây dựng các đường hầm thủy điện, hầm giao thông vẫn còn rất nhiều tiềm năng.

- Thương hiệu và uy tín của Công ty Sông Đà 10 ngày càng được khẳng định và được Chủ đầu tư tin nhiệm.

- Năng lực cạnh tranh của Công ty ngày càng được cải thiện, chất lượng, tiến độ thi công của công ty ngày một nâng cao, giá cả ngày càng cạnh tranh.

- Phần lớn giá trị sản lượng kế hoạch năm 2018 của Công ty đều đã có hợp đồng.

b) Khó khăn:

- Công tác thu hồi công nợ của Công ty gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến nguồn vốn cho SXKD bị ảnh hưởng.

- Việc cạnh tranh quyết liệt trong công tác đấu thầu dẫn đến hiệu quả SXKD của Công ty không được cao so với các năm trước.

- Các máy móc thiết bị của Công ty hầu hết đã hết khấu hao cho nên áp lực huy động vốn cho công tác đầu tư mới của Công ty là rất lớn.
- Lực lượng cán bộ công nhân viên đang bị thiếu hụt, việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đối với công nhân kỹ thuật.

2) Kế hoạch và nhiệm vụ năm 2018

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, trên cơ sở năng lực và tình hình thực tế của Công ty. Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018 với các mục tiêu chính như sau:

2.1) Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng giá trị SXKD: 1.286 tỷ đồng.
- Doanh thu: 1.254,605 tỷ đồng.
- Nộp Nhà nước: 68,134 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 52,308 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 42,155 tỷ đồng.
- Tỷ suất:
 - Lợi nhuận cận biên: 4,2%.
 - Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: 9,9%.
 - Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: 5,5%.
- Thu nhập bình quân CBCNV: 11,5 triệu đồng/người/tháng.
- Vốn chủ sở hữu: 807,055 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 427,324 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến): 8%.
- Đầu tư: 117,17 tỷ đồng, trong đó:
 - Đầu tư thiết bị: 85,17 tỷ đồng
 - Góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan: 32 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ các công trình: Đáp ứng tiến độ thi công tại các công trình theo các hợp đồng ký kết.

2.2) Một số nhiệm vụ trọng tâm:

a) Về công tác tổ chức sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, trong đó có việc bầu thay thế một số thành viên Hội đồng quản trị nghỉ hưu và đảm bảo số thành viên HĐQT độc lập theo quy định.
- Sắp xếp lại các phòng ban, đơn vị trực thuộc gọn nhẹ, hiệu quả phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.
- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt là đội ngũ công nhân kỹ thuật để kịp thời đáp ứng yêu cầu thi công các công trình và tăng năng lực cạnh tranh.

b) Công tác kế hoạch:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018, phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018 cho các đơn vị thành viên.

c) Công tác xây dựng và ban hành các quy chế quản lý:

- Ban hành mới và sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành.
- Giải quyết nhanh, phù hợp và đúng luật các vấn đề bất cập về cơ chế quản lý, các yếu tố gây cản trở cho hoạt động của bộ máy điều hành.

d) Công tác chỉ đạo SXKD

- Tập trung chỉ đạo việc hoàn thành các hợp đồng xây lắp với chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.
- Quan tâm và chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ.
- Cùng với ban điều hành tập trung giải quyết những vướng mắc về cơ chế quản lý, chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi kinh tế của đơn vị.

e) Công tác kinh tế- tài chính và đầu tư :

- Chỉ đạo thoái vốn đối với các khoản đầu tư không hiệu quả, không phải ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Chỉ đạo việc đầu tư bổ sung thiết bị thi công để kịp đáp ứng yêu cầu công việc.

f) Công tác thị trường:

- Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm cho các năm tiếp theo, trong đó đặc biệt chú trọng các dự án giao thông, thủy điện trong nước và cả ở nước ngoài.
- Mục tiêu trong năm 2018 phải trúng thầu với giá trị khoảng 1.200 tỷ đồng.

g) Công tác kiểm tra kiểm soát:

- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm soát việc ra Nghị quyết và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện việc kiểm soát toàn diện hoạt động SXKD của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 về tình hình quản trị công ty, thực hiện nhiệm vụ trong năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

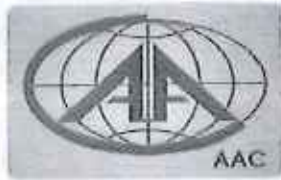
Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN NGỌC LAN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnq.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 213/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/03/2018, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Nguyễn Thị Minh Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Văn Khoa – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2347-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.090.167.709.605	1.919.027.192.448
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.707.333.898	66.270.848.775
1. Tiền	111		12.707.333.898	66.270.848.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	23.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	13.a	-	49.956.667.408
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	13.a	-	(26.456.667.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.444.802.866.031	1.250.981.146.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.240.054.895.680	1.156.782.562.281
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	76.256.681.356	131.948.550.132
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	157.028.989.081	21.821.561.341
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(28.537.700.086)	(59.571.527.470)
IV. Hàng tồn kho	140	10	608.733.863.669	574.784.351.646
1. Hàng tồn kho	141		608.733.863.669	574.784.351.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.923.646.007	3.490.845.743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	3.343.308.675	47.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.580.337.332	3.443.845.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		286.696.254.935	443.897.767.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.987.094.119	168.720.324.390
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	7.090.284.000	170.823.514.271
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8.b	(2.103.189.881)	(2.103.189.881)
II. Tài sản cố định	220		113.823.570.112	88.306.693.466
Tài sản cố định hữu hình	221	11	113.823.570.112	88.306.693.466
- Nguyên giá	222		739.013.825.595	699.954.323.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(625.190.255.483)	(611.647.629.808)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.560.453.207	4.741.834.974
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.560.453.207	4.741.834.974
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13.b	119.474.132.664	137.522.090.992
1. Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.560.000.000	4.560.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.122.420.000	68.123.160.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(48.566.219.710)	(53.519.001.382)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		41.851.004.833	44.606.823.563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	41.851.004.833	44.606.823.563
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.376.863.964.540	2.362.924.959.833

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.520.225.172.275	1.540.655.771.427
I. Nợ ngắn hạn	310		1.457.964.797.737	1.434.667.104.724
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	378.391.720.389	411.043.378.967
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	172.996.373.431	157.240.866.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	18.746.891.679	22.624.394.414
4. Phải trả người lao động	314		57.351.984.065	54.295.377.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	35.681.559.860	27.554.667.147
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	85.647.090.796	109.960.997.289
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	700.983.189.578	642.384.862.290
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.165.987.939	9.562.560.175
II. Nợ dài hạn	330		62.260.374.538	105.988.666.703
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	4.292.475.120	58.292.475.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	57.967.899.418	47.696.191.583
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		856.638.792.265	822.269.188.406
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	856.638.792.265	822.269.188.406
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	50.066.521.921	50.066.521.921
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	21.320.000.000	21.320.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	263.551.799.036	241.860.662.161
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	94.377.361.308	81.698.894.324
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		51.278.773.200	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.098.588.108	81.698.894.324
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.376.863.964.540	2.362.924.959.833



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	1.458.341.315.155	1.371.697.739.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	6.511.804.877	11.790.063.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.451.829.510.278	1.359.907.676.348
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.312.870.732.868	1.148.125.175.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>138.958.777.410</u>	<u>211.782.501.207</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.911.747.439	10.631.928.179
7. Chi phí tài chính	22	26	48.933.067.909	53.078.488.861
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>64.258.407.590</i>	<i>48.893.417.022</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	<u>43.257.557.520</u>	<u>69.187.966.930</u>
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>55.679.899.420</u>	<u>100.147.973.595</u>
11. Thu nhập khác	31	28	1.248.518.157	3.215.791.563
12. Chi phí khác	32	29	4.461.154.004	2.175.887.874
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(3.212.635.847)</u>	<u>1.039.903.689</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>52.467.263.573</u>	<u>101.187.877.284</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	9.368.675.465	19.488.982.960
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>43.098.588.108</u>	<u>81.698.894.324</u>



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.467.263.573	101.187.877.284
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11	31.472.244.834	26.949.925.393
- Các khoản dự phòng	03		(62.443.276.464)	207.861.277
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.263.727.313)	(11.346.914.543)
- Chi phí lãi vay	06	26	64.258.407.590	48.893.417.022
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		76.490.912.220	165.892.166.433
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.182.466.633)	51.161.939.829
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.768.130.256)	(19.679.082.891)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(40.211.137.176)	(243.742.236.048)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	(540.489.945)	(3.026.992.812)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		49.956.667.408	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(64.117.895.711)	(48.759.926.016)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(14.487.214.707)	(21.015.677.463)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	488.453.921
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.125.556.485)	(6.850.506.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.985.311.285)	(125.531.861.449)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DII khác	21		(61.675.530.751)	(56.465.232.908)
2. Tiền thu từ Tl.y, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		513.636.364	1.363.636.364
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.599.260.000)	(8.007.810.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		42.166.732.400	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8a, 25	1.861.080.772	10.631.928.179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.733.341.215)	(52.477.478.365)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	1.338.870.927.953	976.524.026.510
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(1.270.000.892.830)	(855.827.643.594)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.714.897.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.155.137.623	120.696.382.916
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(48.563.514.877)	(57.312.956.898)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	66.270.848.775	123.583.805.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	17.707.333.898	66.270.848.775



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 214/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") được lập ngày 09/03/2018, từ trang 6 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Điền Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Văn Khon – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2347-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.434.941.490.306	2.184.967.094.651
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.467.063.608	70.993.565.926
1. Tiền	111		14.467.063.608	70.993.565.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	23.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	16	-	49.956.667.408
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	16	-	(26.456.667.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.572.616.413.964	1.347.943.379.038
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.294.937.548.015	1.196.626.857.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	87.846.995.574	126.091.363.144
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	39.481.148.173	39.481.148.173
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	179.456.424.671	45.883.539.693
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10a	(29.105.702.469)	(60.139.529.853)
IV. Hàng tồn kho	140		816.471.495.564	733.971.700.457
1. Hàng tồn kho	141	11	816.471.495.564	733.971.700.457
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.386.517.170	8.558.449.230
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.881.855.352	112.760.978
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.104.661.818	8.440.248.841
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		400.000.000	5.439.411
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		736.078.934.237	905.584.118.854
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.923.904.238	166.667.134.509
1. Phải thu dài hạn khác	216	9b	7.130.284.000	170.873.514.271
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10b	(4.206.379.762)	(4.206.379.762)
II. Tài sản cố định	220		623.752.492.840	616.359.429.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	623.752.492.840	612.688.666.524
- Nguyên giá	222		1.491.614.170.984	1.437.245.572.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(867.861.678.144)	(824.556.906.386)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	3.670.762.500
- Nguyên giá	228		-	3.670.762.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.560.453.207	8.481.036.029
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	6.560.453.207	8.481.036.029
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		57.207.615.374	64.632.069.954
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.445.024.419	12.903.671.408
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	45.122.420.000	68.123.160.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(359.829.045)	(16.394.761.454)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.634.468.578	49.444.449.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	42.279.845.743	45.166.993.263
2. Lợi thế thương mại	269		3.354.622.835	4.277.456.075
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.171.020.424.543	3.090.551.213.505

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.194.106.415.633	2.128.303.545.448
I. Nợ ngắn hạn	310		1.802.512.406.116	1.674.071.220.640
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	397.027.192.957	423.206.506.259
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	181.460.008.729	157.240.866.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	29.844.863.441	34.155.744.299
4. Phải trả người lao động	314		81.879.336.671	71.161.664.505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	52.270.816.354	54.626.257.638
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21a	127.490.929.435	115.942.264.042
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22a	924.110.910.053	807.946.917.221
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.428.348.476	9.790.999.830
II. Nợ dài hạn	330		391.594.009.517	454.232.324.808
1. Phải trả dài hạn khác	337	21b	2.189.285.239	56.189.285.239
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22b	379.763.446.145	390.618.191.583
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		9.641.278.133	7.424.847.986
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		976.914.008.910	962.247.668.057
I. Vốn chủ sở hữu	410		976.914.008.910	962.247.668.057
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	50.066.521.921	50.066.521.921
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	25.221.000.000	25.221.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	370.491.844.097	344.869.257.476
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	89.569.063.947	91.848.312.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.246.720.324	9.816.803.660
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.322.343.623	82.031.508.416
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.242.468.945	22.919.466.584
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.171.020.424.543	3.090.551.213.505



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	25	1.502.524.853.860	1.448.577.469.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	6.511.804.877	11.790.063.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		1.496.013.048.983	1.436.787.405.480
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.307.508.852.898	1.171.122.603.365
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		188.504.196.085	265.664.802.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	6.031.662.527	5.044.965.372
7. Chi phí tài chính	22	29	93.775.000.328	87.436.070.236
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		119.714.116.161	98.850.940.738
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty I.doanh, I.kết	24		(458.646.989)	284.842.779
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	65.129.223.867	90.232.454.623
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.172.987.428	93.326.085.407
12. Thu nhập khác	31	31	11.418.064.349	3.376.112.432
13. Chi phí khác	32	32	6.446.377.467	2.580.129.699
14. Lợi nhuận khác	40		4.971.686.882	795.982.733
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	33	40.144.674.310	94.122.068.140
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	11.282.898.179	21.448.340.461
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.216.430.147	3.210.866.075
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	33	26.645.345.984	69.462.861.604
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		35.322.343.623	82.031.508.416
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(8.676.997.639)	(12.568.646.812)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	827	1.639
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	827	1.639



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.144.674.310	94.122.068.140
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	13	62.157.224.157	56.773.947.289
- Các khoản dự phòng	03		(73.525.427.201)	(15.846.469.094)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	28, 31	(15.252.714.912)	(6.139.832.395)
- Chi phí lãi vay	06	29	119.714.116.161	98.850.940.738
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		133.237.872.515	227.760.654.678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.443.733.815)	94.734.420.964
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(83.519.160.765)	(44.045.296.596)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.882.496.383)	(255.896.118.088)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(881.946.854)	(3.226.300.156)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		49.956.667.408	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(106.350.774.863)	(93.241.450.926)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(17.809.001.596)	(23.840.357.311)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		745.100.000	400.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.086.756.485)	(10.262.554.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(87.034.230.838)	(107.617.001.837)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(74.044.678.024)	(61.764.248.118)
2. Tiền thu từ TLy, nh.bán TSCĐ và các TS DH khác	22	31	13.512.118.364	2.428.060.605
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.599.260.000)	(8.007.810.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		42.166.732.400	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.878.465.886	809.660.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.086.621.374)	(66.534.337.216)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	22	1.609.865.002.071	1.173.307.740.399
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	22	(1.504.555.754.677)	(1.063.597.463.436)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.714.897.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		62.594.349.894	109.710.276.963
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(51.526.502.318)	(64.441.062.090)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		70.993.565.926	135.434.628.016
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		19.467.063.608	70.993.565.926



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

Số: 06/SĐ10-BKS/2018

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2018.



BÁO CÁO

CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

Kính thưa: - Quý vị Đại biểu;
- Quý vị Cổ đông Công ty.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2017 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017:

Năm 2017, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban.

BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty và kiểm tra trực tiếp được tiến hành định kỳ một năm hai lần, kết quả cụ thể như sau:

- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét các Tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của HDQT.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HDQT Công ty và BKS đã tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp của HDQT;
- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế; Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HDQT và Ban Tổng giám đốc theo đúng Nghị quyết của HDQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2017;
- BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các Quyết định của HDQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng

giám đốc; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty; báo cáo kiểm toán được phát hành bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;

Trong năm 2017, hoạt động của BKS tập trung kiểm tra và kiểm soát thường xuyên các quyết định của HĐQT trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng của Công ty.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do HĐQT, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động SXKD năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.330	1.524,1	114,6%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.310	1.461,9	111,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	81,3	52,46	64,5%
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	427,3	427,3	100,0%
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	831,2	856,6	103,1%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	15,2	10,0	66,2%
7	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,8	4,2	54,7%
8	Thu nhập bình quân CBCNV	(tr đồng/ người/ tháng)	10,5	12,8	121,9%

1.2. Phân tích nguyên nhân lợi nhuận 2017 sụt giảm so với năm 2016:

Năm 2017, giá trị SXKD và doanh thu của Công ty vượt kế hoạch đề ra, trong đó doanh thu vượt 11,3% so với kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế chỉ là 52,5 tỷ/ kế hoạch là 81,3 tỷ, đạt 64,6% kế hoạch. Lợi nhuận đạt thấp chủ yếu do hai nguyên nhân, thứ nhất là do giá thành thực tế cao hơn so với kế hoạch và nguyên nhân thứ hai là do chi phí lãi vay quá lớn.

*) Giá thành thực tế cao hơn so với kế hoạch: có hai nguyên nhân khách quan và một nguyên nhân chủ quan. Đó là:

- Nguyên nhân khách quan thứ nhất, là do tiến độ thi công tại một số công trường bị chậm tiến độ, vì phần công việc của Công ty đảm nhiệm bị phụ thuộc vào các nhà thầu khác. Trong khi đó, chi phí tiền lương công nhân trong thời gian chờ việc vẫn phải trả và chi phí khấu hao của máy thi công vẫn phải ghi nhận. Nguyên nhân khách quan thứ 2 là do giá dự toán thanh toán tại một số công trình bị điều chỉnh giảm sau khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra để phục vụ công tác thanh quyết toán như: Công trình hầm đường bộ qua Đèo Cả, công trình hầm cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, thủy điện Sơn La.

- Nguyên nhân chủ quan là do khi Công ty dự thầu, đấu thầu, đơn giá máy thi công được tính với mức khấu hao tối thiểu để đảm bảo giá chào thầu mang tính cạnh tranh cao, tuy nhiên do kế hoạch khấu hao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã đăng ký với cơ quan thuế từ trước đó theo mức tối đa nên trong năm 2017, khấu hao TSCĐ vẫn được trích theo mức tối đa.

Bên cạnh đó việc lập kế hoạch giá thành cũng chưa đầy đủ, đồng thời kế hoạch giá thành đã lập cũng chưa sát với thực tế, tỉ suất lợi nhuận theo giá thành kế hoạch và tỉ suất lợi nhuận thực tế có sự chênh lệch khá lớn.

*) Về chi phí lãi vay: Tại thời điểm 31/12/2017 công nợ phải thu của khách hàng và giá trị khối lượng dở dang toàn Công ty là: 1.820,4 tỷ đồng. Trong đó công nợ phải thu là: 1.240,4 tỷ đồng (Giá trị giữ lại chờ quyết toán, bảo hành là: 533,0 tỷ đồng) và giá trị khối lượng dở dang là 580,0 tỷ đồng. Khối lượng dở dang lớn có nguyên nhân khách quan là do phần khối lượng hoàn thành chưa đạt đến mức thanh toán theo quy định, bên cạnh đó có một số công trình đang trong giai đoạn quyết toán như: Thủy điện Huội Quảng, Thủy điện Lai châu, Hầm Đèo Cả, Hầm Cổ Mã, Thủy điện Đắc Rinh. Công nợ phải thu lớn do có những công trình Chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn thanh toán, như: Công trình Thủy điện Xekaman 3, Nậm Chiến, Nậm He, Nậm I.y. Còn nguyên nhân chủ quan, là do việc lập, hoàn thiện hồ sơ thanh toán của các bộ phận liên quan chưa kịp thời.

- Do lượng vốn bị ứ đọng trong nợ phải thu và dở dang lớn nên nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc phần lớn vào vốn đi vay, tổng số dư nợ vay ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2017 là 677,3 tỷ đồng tăng 48,1 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2016. Dòng tiền vào từ đi vay năm 2017 là 1.338,8 tỷ đồng và lớn hơn 362,2 tỷ đồng so với năm 2016 dẫn đến tổng chi phí lãi vay năm 2017 Công ty mẹ là 64,2 tỷ tăng 15,4 tỷ so với năm 2016.

*) Trong năm 2017, tại Công trường Thủy điện trạm tầu, vật tư và nhiên liệu bị lũ cuốn trôi theo giá trị sổ sách là 1,4 tỷ đồng Công ty đã xử lý vào chi phí năm 2017.

*) Khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ % vốn góp của Công ty trong Công ty CP Thủy Điện Nậm He là 11,0 tỷ đồng.

1.3. Vấn đề thoái vốn đầu tư và đầu tư tài chính:

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thoái vốn 02 khoản đầu tư là 1 triệu phiếu của SUDICO và 4,23 triệu cổ phần của Công ty ĐT&PT điện Tây Bắc giá. Tiền thu từ thoái vốn hai khoản đầu tư là 76,35 tỷ đồng. h

Ngoài ra, trong năm 2017 Công ty đã tăng giá trị khoản góp vốn tại Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ - Tủy Loan với giá trị là 10,6 tỷ đồng; tổng vốn góp lũy kế vào Công ty này đến thời điểm 31/12/2017 là 30,0 tỷ đồng.

1.4. Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2017:

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết.

- Về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban kiểm soát lưu ý với quý vị cổ đông và nhà đầu tư hai vấn đề sau đây:

+ Nghĩa vụ thuế tiêu dùng đối với các giao dịch của Công ty đối với Công ty con và công ty liên kết đã thực hiện trong năm 2017 theo quy định của Nghị định 20/2017/ND-CP và Thông tư 41/2017/TT-BTC.

+ Theo báo cáo kiểm kê tại thời điểm kiểm kê 31/12/2017 có một số máy móc thiết bị thi công tại thủy điện Trạm Tấu hết khấu hao đã bị hư hỏng không còn sử dụng được, Công ty chưa hoàn thành việc lập hồ sơ thanh lý tài sản theo quy định.

Ngoài những vấn đề nêu trên, BKS đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Công ty và Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
1	Tổng tài sản	2.376.863.964.540	2.362.924.959.833
	- Tài sản ngắn hạn	2.090.167.709.605	1.919.027.192.448
	- Tài sản dài hạn	286.696.254.935	443.897.767.385
2	Nguồn vốn	2.376.863.964.540	2.362.924.959.833
	- Nợ phải trả	1.520.225.172.275	1.540.655.771.472
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	856.638.792.265	822.269.188.406

Các chỉ tiêu tài chính năm 2017:

TT	Các chỉ số	Năm 2016	Năm 2017
1	Bố trí cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,65 lần	0,64 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,87 lần	1,77 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,84 lần	0,89 lần
2	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,53 lần	1,56 lần

	Khả năng thanh toán hiện hành	1,33 lần	1,43 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	0,93 lần	1,02 lần
3	Hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	5,96%	2,96 %
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,46%	1,81 %
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	19,12%	10,09 %
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	9,94%	5,03 %

So sánh các chỉ tiêu năm 2017 với năm 2016, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản - nguồn vốn có sự cải thiện nhẹ, mặc dù vậy tỉ số nợ ngân hàng /vốn chủ sở hữu tăng và thực tế thì mức nợ ngân hàng tăng cao hơn mức tăng tổng tài sản.

Về khả năng thanh toán: các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đã có một chút chuyển biến tốt hơn. Tuy nhiên, chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh tăng nhẹ là do Công ty điều chỉnh khoản ký quỹ cho Công ty CP Đèo Cả (135 tỷ) từ phải thu dài hạn sang ngắn hạn làm tài sản ngắn hạn tăng, về bản chất thì khả năng thanh toán không được cải thiện.

Về các chỉ tiêu hiệu quả: Ban kiểm soát nhận thấy các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn giảm rất mạnh, đặc biệt là tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu giảm chỉ còn một nửa từ 5,96% xuống còn 2,96% cho thấy lợi nhuận biên của Công ty đã giảm nhiều so với năm 2016.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

2.1. Những mặt đã làm được:

* Hội đồng quản trị:

- Đã sửa đổi và ban hành lại Điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1, phê duyệt thanh lý, nhượng bán TSCĐ cũ hỏng, hiệu quả sử dụng kém. Về quy chế quản lý: đã phê duyệt và ban hành lại Quy chế thiết lập và triển khai công tác Quản trị rủi ro, ban hành Quy chế giao khoán cho đội thi công xây lắp, ban hành lại Quy chế trả lương Ban lãnh đạo Công ty và Các Xí nghiệp trực thuộc, Quy chế trả lương khối gián tiếp Cơ quan Công ty.

- Về cơ cấu tổ chức: đã thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty CP DT&PT điện Tây Bắc (ông Trần Tuấn Linh thay ông Vũ Văn Tinh), bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty (Ông Nguyễn Thế Bảo), bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 (ông Trần Ngọc Vinh thay ông Nguyễn Văn Tấnh).

- HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp, kiểm tra và nghe Ban tổng giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của từng quý và đưa ra định hướng giải quyết các vấn đề phát sinh.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và điều lệ công ty;

- Các biện pháp để chi đạo điều hành SXKD do Tổng giám đốc trình đều được HĐQT xem xét phê duyệt trên nguyên tắc tập thể đảm bảo khách quan và tập trung tri tuệ của các thành viên HĐQT;

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế của công tác quản lý HĐQT;

- Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: các cuộc họp HĐQT, BKS đều được mời tham dự và tham gia ý kiến đóng góp xây dựng. Các vấn đề vướng mắc cũng như các ý kiến đóng góp Ban kiểm soát đã chủ động gặp và trao đổi trực tiếp với chủ tịch HĐQT, những vấn đề kiến nghị của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban lãnh đạo công ty đều đã được nêu trong báo cáo kiểm tra định kỳ.

- Ngoài những vấn đề nêu trên, trong năm 2017, không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty;

*** Tổng Giám đốc:**

- Về cơ cấu tổ chức: Năm 2017, Công ty đã thành lập 2 Đội xây lắp và 1 đội sửa chữa trực thuộc Công ty;

- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế đảm bảo theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty. Tại thời điểm kiểm tra Ban kiểm soát chưa nhận thấy sai phạm trong công tác đàm phán thương thảo và thực hiện hợp đồng kinh tế;

- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích và được hoàn trả đúng hạn, không có nợ quá hạn.

- Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định bao gồm từ công tác lập, trình duyệt dự án, kế hoạch đấu thầu dự án, hồ sơ mời thầu đảm bảo rõ ràng, minh bạch; các gói thầu được xét thầu theo đúng quy định.

2.2. Một số hạn chế:

- Giá trị khối lượng dở dang, công nợ toàn công ty còn lớn. Việc thu hồi công nợ, lập hồ sơ thanh toán chậm. Một số công trình thi công chưa đạt tiến độ theo kế hoạch. Việc khó khăn về nguồn vốn kinh doanh tại một vài thời điểm đã

gây ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của công ty, nguy cơ rủi ro thanh khoản là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

- Việc thanh toán tiền lương cho người lao động thường xuyên bị trễ hạn theo quy định của Luật Lao động, điều đó ít nhiều đã gây ảnh hưởng đến năng suất và tinh thần làm việc của người lao động;

- Hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Nguy cơ rủi ro về thuế chưa được kiểm soát triệt để;

- Cơ cấu tổ chức của công ty đã không còn phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty trong giai đoạn hiện nay cũng như định hướng phát triển trong những năm tiếp theo. Công nghệ thông tin chưa được vận dụng tích cực trong quản lý điều hành. Công tác đào tạo cán bộ kế cận chưa mang tính chiến lược.

Trên đây là những hạn chế mà Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cần có biện pháp khắc phục triệt để.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

- BKS nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 của HĐQT Công ty.

- BKS nhất trí với kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2018. BKS kiến nghị HĐQT phát huy hơn nữa vai trò và năng lực trong công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý để hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2018, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho các cổ đông của Công ty.

- Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc sớm có phương án kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của công ty. Tuyển chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển bền vững của Công ty.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính và góp vốn vào các công ty liên kết không hiệu quả, đề nghị HĐQT có phương án thoái vốn sớm để ưu tiên nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Liên quan đến công ty liên kết, đề nghị HĐQT thu hồi bảo lãnh vay vốn cho Công ty CP Sông Đà 10.9 tại Vietcombank Hải Dương.

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường quản trị công nợ, đảm bảo đáp ứng đủ nguồn vốn cho SXKD. Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát, quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018:* BKS đề nghị Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán trong nhóm Big4 cho việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2018

- Thực hiện công tác thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp

hành Điều lệ tổ chức hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng trong Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan;

- Trong năm 2018, ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra trực tiếp toàn diện các mặt hoạt động của Công ty vào thời điểm 6 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính 2018.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2017, hoạt động của BKS năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Thanh Loan



Số: **3** SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày **4** tháng **5** năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: phân phối lợi nhuận năm 2017)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10;
- Kết quả SXKD năm 2017.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2017	52.467.263.573
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	9.368.675.465
3	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2017 (1-2)	43.098.588.108
4	Lợi nhuận sau thuế thực hiện phân phối năm 2017	35.322.343.623
5	Trích lập các quỹ	9.651.985.023
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.782.234.362
	Trong đó: trích Quỹ thưởng Ban điều hành	250.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	3.869.750.661
6	Thù lao BKS không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	30.972.000
7	Lợi nhuận phân phối năm 2017 (4-5-6)	25.639.386.600
8	Lợi nhuận chi trả cổ tức	25.639.386.600
9	Vốn điều lệ	427.323.110.000
10	Tỷ lệ chia cổ tức	6%
11	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau (3-4)	7.776.244.485

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN NGỌC LAN

Số: 4 SD10/HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13;
- Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10;
- Kết quả kinh doanh năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

1) Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2017:

Việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

- a) Tiền lương, thù lao được phép chi: **1.316.508.000** đồng. Trong đó:
 - Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 38,721 triệu đồng/tháng.
 - Tiền lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 33,881 triệu đồng/tháng.
 - Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 20,329 triệu đồng/tháng.
 - Thù lao thành viên HĐQT, Kiểm soát viên:
 - + Thành viên HĐQT: 3,872 triệu đồng/tháng.
 - + Thành viên BKS: 2,581 triệu đồng/tháng.

Với mức trên, tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách là đại diện phần vốn nhà nước là 31,17 triệu đồng/người/tháng, thấp hơn mức bình quân (36 triệu đồng) theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước.

- b) Số đã chi: 744.400.000 đồng.
- c) Số chưa chi: 572.108.000 đồng.

2) Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018:



- Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Dự toán lương và thù lao 2018	
		Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		9.000.000
3	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách	38.000.000	
4	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		7.000.000
5	Trưởng Ban kiểm soát	23.000.000	
6	Thành viên HĐQT		6.000.000
7	Thành viên Ban kiểm soát		4.000.000

- Quyết toán tiền lương, thù lao: Thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT: 25.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 80% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ 01/01/2018.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN NGỌC LAN



Số: 5 SD10/HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10;
- Kế hoạch soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Sông Đà 10.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

- Đơn vị kiểm toán: **Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.**
- Nội dung công việc chính: soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Phí kiểm toán: **200.000.000** đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.
- Thời gian cung cấp báo cáo sau kiểm toán: trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến cuối cùng của Công ty về dự thảo báo cáo kiểm toán.
- Địa điểm thực hiện: tại đơn vị.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN NGỌC LAN

Số: **6** SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày **4** tháng **5** năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: ủy quyền cho HĐQT chấp thuận
hợp đồng, giao dịch cần có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Công ty cổ phần Sông Đà 10 là đơn vị xây lắp chuyên thi công tại các dự án lớn, trọng điểm ở trong nước và cả nước ngoài. Các gói thầu Công ty thực hiện thường có giá trị lớn, phức tạp và có thể cần sự tham gia của nhiều đơn vị với hình thức độc lập, thầu chính, thầu phụ, liên danh hoặc tổng thầu.

Việc đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty có thể phải kéo dài và có sự tham gia của nhiều bên đặc biệt là trong quá trình tiếp thị đấu thầu để tìm kiếm việc làm.

Để chủ động, kịp thời và không bỏ lỡ các cơ hội tìm kiếm việc làm, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

❖ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của công ty trong báo cáo tài chính gần nhất như sau:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người liên quan của họ;
- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

❖ Thời hạn ủy quyền: từ ngày ban hành Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đến ngày ban hành Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN NGỌC LAN

Số: 7 SD10/HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Hiện nay các cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành một số văn bản liên quan đến việc quản trị công ty đại chúng bao gồm:

- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 97/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để phù hợp với các quy định hiện hành, Công ty đã soạn thảo lại Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty được soạn thảo trên cơ sở Điều lệ và quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 97/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính và có cụ thể hóa các nội dung mở trong Điều lệ mẫu. Chi tiết như dự thảo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị kèm theo.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NGỌC LAN

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

- Căn cứ vào Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội;

- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10 (dưới đây gọi là "**Công ty**").

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại đại hội tổ chức vào ngày tháng 4 năm 2018.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích các thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
- Tên tiếng Anh: SONG DA NO 10 JOINT STOCKS COMPANY
- Tên giao dịch: SONG DA 10
- Tên viết tắt: SONG DA 10 JSC

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 04.37683998 - Fax: 04.37683997
- Email: songda10@songda10.com.vn hoặc Songda10vp@gmail.com
- Website: www.songda10.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật và được tuân thủ quy định sau:

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Được thực hiện theo quy định tại điều 157, Luật doanh nghiệp 2014 và được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 35 của Điều Lệ này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thuộc mã ngành: 4290

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; xây dựng đường sắt và đường ngầm; thuộc mã ngành: 4210

- Chuẩn bị mặt bằng: Làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn...; khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý; thuộc mã ngành: 4312

b) Ngành nghề kinh doanh có liên quan:

- Khai thác quặng sắt: các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn hàm lượng sắt; các hoạt động làm giàu và thu gom quặng có chứa sắt; thuộc mã ngành: 0710

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; bao gồm mã ngành: 081 - 0810 và các nhóm ngành 08101- Khai thác đá gồm: hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng và các hoạt động khác để sản xuất vật liệu xây dựng; 08102 - Khai thác cát, sỏi; 08103 - Khai thác đất sét.

- Sản xuất các cấu kiện kim loại: sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng; thuộc mã ngành: 2511

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; thuộc mã ngành: 2592

- Sửa chữa máy móc, thiết bị; thuộc mã ngành: 3312

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm; thuộc mã ngành: 3510

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén... thuộc mã ngành: 4659

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng như cát, sỏi; thuộc mã ngành: 4663

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; thuộc mã ngành: 7110

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; thuộc mã ngành: 7730

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác; tối đa hoá lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.

b) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của toàn công ty.

c) Đa dạng hoá ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 427.323.110.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy tỷ ba trăm hai mươi ba triệu một trăm mười nghìn đồng),

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 427.732.311 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng công ty Sông Đà góp 266.074.070.000 đồng.

- Các cổ đông trong và ngoài Công ty góp 161.249.040.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 7 (bảy) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (mức lãi xuất tính theo lãi xuất tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của Công ty.

2. Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra.

3. Ban kiểm soát: Là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

4. Ban kiểm soát nội bộ: Là cơ quan chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị Công ty trong việc Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Điều lệ, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, chịu sự điều hành trực tiếp của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc: Là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại

hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc

các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài

chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY

Điều 43. Quan hệ giữa Công ty với Công ty mẹ

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện thoả thuận chung của Tổng công ty Sông Đà, các cam kết hợp đồng với Tổng công ty Sông Đà và doanh nghiệp thành viên Tổng công ty Sông Đà; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của Tổng công ty Sông Đà với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với doanh nghiệp.

2. Công ty mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông bên góp vốn chi phối tại Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Công ty mẹ quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty thông qua người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty.

4. Công ty mẹ có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- a) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở Công ty;
- b) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào Công ty;
- c) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào Công ty.

d) Yêu cầu Công ty cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

d) Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và Công ty mẹ đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này.

e) Trường hợp Công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của cổ đông và buộc Công ty phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty thì Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó. Người quản lý phần vốn của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại điểm e khoản 3 của Điều này phải liên đới cùng Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

g) Trường hợp Công ty mẹ không đền bù cho Công ty theo quy định tại điểm f khoản 3 của Điều này thì chủ nợ hoặc Cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của Công ty có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty đòi Công ty mẹ đền bù thiệt hại cho Công ty.

h) Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại điểm f khoản 3 của Điều này do Công ty thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của Công ty mẹ thì Công ty được hưởng lợi đó phải liên đới cùng Công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho Công ty nếu Công ty bị thiệt hại.

i) Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và Điều lệ của Công ty.

5. Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, Công ty còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Tổng công ty.

Điều 44. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ

1. Công ty có mối quan hệ với các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ về vốn, thị trường, công nghệ, hoạt động đào tạo và các nguồn lực khác thông qua việc giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mẹ, phù hợp với mục tiêu là vì lợi ích của Công ty và Công ty mẹ cùng các doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

2. Công ty thông qua Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty để đề nghị Công ty mẹ điều chỉnh mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ thông qua Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại các doanh nghiệp này hỗ trợ và giao kết hợp đồng về thị trường, về công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn lực,... phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược, kế hoạch, tốc độ tăng trưởng, sự phát triển chung của toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Quan hệ giữa công ty với công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của Công ty đó.

2. Công ty cử Người đại diện phần vốn để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của Công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

3. Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại Công ty liên kết thì Công ty có thể không cử người đại diện phần vốn của mình đầu tư vào Công ty liên kết, nhưng phải tổ chức theo dõi số vốn đã đầu tư, lợi tức được chia và các lợi ích khác từ phần vốn đầu tư tại công ty liên kết; Phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty liên kết.

Điều 46. Quan hệ giữa các đơn vị trực thuộc, Công ty liên kết của Công ty

1. Các đơn vị trực thuộc, Công ty liên kết quan hệ với nhau về vốn, thị trường, công nghệ, đào tạo,.. và các nguồn lực khác thông qua hợp đồng phù hợp với Luật pháp, Điều lệ Công ty, quy chế của đơn vị trên cơ sở vì lợi ích chung của công ty và lợi ích của các đơn vị.

2. Công ty thông qua việc giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết để điều chỉnh mối quan hệ giữa các đơn vị phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược, kế hoạch, tốc độ tăng trưởng, sự phát triển của toàn bộ Công ty.

Chương XIII

TỔ CHỨC ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TRONG CÔNG TY

Điều 47. Tổ chức Đảng và các tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty chịu sự lãnh đạo của Đảng bộ Tổng công ty Sông Đà, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty chịu sự lãnh đạo của các tổ chức Chính trị - Xã hội Tổng công ty Sông Đà, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức Chính trị - Xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 48. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được

tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVIII

CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIX

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền, thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10 nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

MỤC LỤC
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 GỒM:

Nội dung	Trang
PHÂN MỞ ĐẦU	1
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	3
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần	5
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	6
Chương VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	6
Điều 12. Quyền của cổ đông	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	10
Điều 17. Thay đổi các quyền	11
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	19
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	21
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	24
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	24
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	25
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	25
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	25
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	25
Chương IX. BAN KIỂM SOÁT	26
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	26
Điều 37. Kiểm soát viên	27
Điều 38. Ban kiểm soát	27
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	28
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	28
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	29
Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	30
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	30
Chương XII. MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY	30
Điều 43. Quan hệ giữa Công ty với Công ty mẹ	30
Điều 44. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ	31
Điều 45. Quan hệ giữa công ty với công ty liên kết	31
Điều 46. Quan hệ giữa các đơn vị trực thuộc, Công ty liên kết của Công ty	32
Chương XIII. TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TRONG CÔNG TY	32

Điều 47. Tổ chức Đảng và các tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty	32
Điều 48. Công nhân viên và công đoàn	32
Chương XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	32
Điều 49. Phân phối lợi nhuận	32
Chương XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	33
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	33
Điều 51. Năm tài chính	33
Điều 52. Chế độ kế toán	33
Chương XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	34
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	34
Điều 54. Báo cáo thường niên	34
Chương XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	34
Điều 55. Kiểm toán	34
Chương XVIII. CON DẤU	35
Điều 56. Con dấu	35
Chương XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	35
Điều 57. Chấm dứt hoạt động	35
Điều 58. Gia hạn hoạt động	35
Điều 59. Thanh lý	35
Chương XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
Chương XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	36
Điều 61. Điều lệ công ty	36
Chương XXII. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 62. Ngày hiệu lực	37

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

(Kèm theo Tờ trình của Hội đồng quản trị
trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ quản trị Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ và phù hợp Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của cổ đông.

3. Đối tượng áp dụng:

- a) Cổ đông;
- b) Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- c) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- d) Cán bộ quản lý khác của Công ty.

Điều 2: Nguyên tắc quản trị Công ty

- a) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- b) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả;
- c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan;
- d) Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- e) Minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Luật Doanh nghiệp: là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
2. Quản trị Công ty: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty;
3. Công ty: là Công ty cổ phần Sông Đà 10;
4. Điều lệ: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10;
5. Cán bộ quản lý: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
6. Cổ đông: là những cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty;
7. Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội: là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
8. Người liên quan: là các nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 14 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
9. Hội đồng quản trị hoặc HĐQT: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty thực hiện chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và phải công bố thông tin việc chốt danh sách tối thiểu 20 trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Để thuận tiện cho việc tổ chức Đại hội và đón tiếp cổ đông được chu đáo, cổ đông tạo điều kiện cho Công ty bằng cách đăng ký tham dự với Phòng Tổ chức – Nhân sự Công ty hoặc theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp.

Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Mọi cổ đông đều sẽ được tạo điều kiện và đón tiếp chu đáo khi tham dự họp Đại hội, kể cả những trường hợp không đăng ký tham dự.

Điều 7: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết.

2. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Người kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu không được là: ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc người liên quan của ứng viên; người có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với các giao dịch được biểu quyết tại đại hội.

Việc kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại Khoản 1 điều này. Các thành viên ban kiểm phiếu phải làm việc công tâm và được tạo điều kiện để làm việc nhanh chóng, chính xác. Trong quá trình kiểm phiếu người không có nhiệm vụ không được tiếp cận các thành viên ban kiểm phiếu.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 8: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp nghị quyết quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

Điều 9: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố ngay tại cuộc họp đồng thời được đăng tải lên Website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ban hành và thực hiện công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11: Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Đại hội đồng cổ đông thường niên không được thực hiện bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BẮT NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12: Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (theo Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp) có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó.

Điều 13: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ cổ phần sở hữu và số lượng ứng viên được đề cử quy định cụ thể trong Điều lệ.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản

trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 14: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Phương thức bầu cử: việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp).

- Theo đó mỗi đại biểu có:

Tổng số phiếu bầu = Tổng số cổ phần sở hữu, đại diện x (nhân) Số thành viên HĐQT cần bầu.

Ví dụ: Đại biểu sở hữu 120 cổ phần, cần bầu 5 thành viên HĐQT thì số phiếu bầu của đại biểu như sau:

Số phiếu bầu thành viên HĐQT: $120 \times 5 = 600$ phiếu.

Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

2. Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp tính riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đạt đủ số lượng thành viên độc lập tối thiểu cần bầu, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được chọn theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên độc lập và không độc lập còn lại).

- Ứng viên trúng cử phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 15: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức;
- d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trừ các trường hợp bắt buộc phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu thành viên Hội đồng quản trị bổ sung theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, việc bổ nhiệm thành viên mới được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày bổ nhiệm mới đến khi kết thúc nhiệm kỳ đó của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, mọi quyết định

của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 16: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Công ty phải thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, đồng thời phải thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi trúng cử các Thành viên HĐQT phải cung cấp cho Công ty các thông tin có liên quan theo quy định để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV:

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17: Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 18: Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội

đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 19: Các thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Trừ quy định tại Khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

6. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 20. Các thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 21: Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 22. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Trong vòng 24h kể từ ngày ban hành, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan của Công ty để theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện.

2. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo đúng các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ÚNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23: Tiêu chuẩn kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d) Không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 24: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ cổ phần sở hữu và số lượng ứng viên được đề cử quy định cụ thể trong Điều lệ.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 25: Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Phương thức bầu cử: việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp).

- Theo đó mỗi đại biểu có:

Tổng số phiếu bầu = Tổng số cổ phần sở hữu, đại diện x (nhân) Số Kiểm soát viên cần bầu.

Ví dụ: Đại biểu sở hữu 120 cổ phần, cần bầu 3 Kiểm soát viên thì số phiếu bầu của đại biểu như sau:

Số phiếu bầu Kiểm soát viên: $120 \times 3 = 360$ phiếu.

Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

2. Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên Ban kiểm soát thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 26: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự như đối với Thành viên Hội đồng quản trị.

2. Công ty phải thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, đồng thời phải thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi trúng cử các Thành viên HĐQT phải cung cấp cho Công ty các thông tin có liên quan theo quy định để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành lập các tiểu ban

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 28. Việc thực thi quyết định của tiểu ban

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 29: Các tiêu chuẩn của Tổng giám đốc điều hành

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

3. Đối với công ty con của công ty cổ phần có vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Điều 30: Bổ nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao

động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31: Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.
2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành trên trang thông tin điện tử của Công ty và theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a) Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- b) Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- c) Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d) Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 34: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị phải mời các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành tham dự.
3. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung, chương trình họp và tài liệu kèm theo và phải được gửi đến người dự họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên dự tính được mời tham dự cuộc họp có thể tham gia, thảo luận dưới sự điều khiển của Chủ tọa nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 35: Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các Nghị quyết và Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi cho Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36: Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 37: Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

1. Phát hiện cán bộ quản lý điều hành Công ty có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm các quy chế quản lý nội bộ và Điều lệ Công ty.

2. Báo cáo tài chính của công ty có dấu hiệu không trung thực.

3. Các kiến nghị khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 38: Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ quý, sáu tháng, một năm hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị. Báo cáo này phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như với Hội đồng quản trị.

Điều 39: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và trực tiếp là Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát và kiểm điểm việc Tổng giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc phải tổ chức các cuộc họp hằng tuần (giao ban tuần) để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được mời tham dự để kiểm điểm công việc thường xuyên.

Điều 40: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến thẩm quyền, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

5. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.

6. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

7. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

10. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

11. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Sông Đà 10 nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Giao dịch với người có liên quan

1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty.

4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 43. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty.

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với người lao động, cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG X: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 44: Đánh giá thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác

Tùy thuộc vào sự lựa chọn của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có thể được thực hiện theo các phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu tham dò, tín nhiệm;
- Các phương thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn.

Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các tổ chức chính trị, chính trị xã hội trong Công ty để thực hiện việc đánh giá thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Tiêu chí đánh giá: theo kết quả kinh doanh của Công ty và chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận, cá nhân.

CHƯƠNG XI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 45: Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 46: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày bổ nhiệm. Ngoài ra, còn phải công bố thông tin việc bổ nhiệm, miễn nhiệm nói trên theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XII: HIỆU LỰC VÀ THI HÀNH

Điều 48: Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các Quy chế về quản trị nội bộ đã được Công ty ban hành trước đây sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này được ban hành.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 49: Điều khoản thi hành

Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện và tuân thủ đúng quy chế này.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	1
Điều 3: Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 4: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 5: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 6: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 7: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	2
Điều 8: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 9: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 10: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 11: Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	4
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 12: Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 13: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 14: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 15: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 16: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 17: Thông báo họp Hội đồng quản trị	8
Điều 18: Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	9
Điều 19: Các thức biểu quyết	10
Điều 20. Các thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	10
Điều 21: Biên bản họp Hội đồng quản trị	11
Điều 22. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	11
Điều 23: Tiêu chuẩn kiểm soát viên	11
Điều 24: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	12

Điều 25: Cách thức bầu Kiểm soát viên	12
Điều 26: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	12
CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 27. Thành lập các tiểu ban	13
Điều 28. Việc thực thi quyết định của tiểu ban	13
CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	13
Điều 29: Các tiêu chuẩn của Tổng giám đốc điều hành	13
Điều 30: Bổ nhiệm Tổng giám đốc	13
Điều 31: Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc	14
Điều 32: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc	14
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	14
Điều 33. Nguyên tắc phối hợp	14
Điều 34: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	14
Điều 35: Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	14
Điều 36: Tổng giám đốc	14
Điều 37: Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	15
Điều 38: Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	15
Điều 39: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc	15
Điều 40: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc	16
CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	16
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác	16
Điều 42. Giao dịch với người có liên quan	17
Điều 43. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	17
CHƯƠNG X: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	18
Điều 44: Đánh giá thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác	18

CHƯƠNG XI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
Điều 45: Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	18
Điều 46: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	18
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	19
CHƯƠNG XII: HIỆU LỰC VÀ THI HÀNH	19
Điều 48: Hiệu lực	19
Điều 49: Điều khoản thi hành	19
Mục lục	20 - 22

Số: 8 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ III)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10;
- Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Trong năm 2018, có 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2020) sẽ nghỉ hưu theo chế độ và có đơn xin từ nhiệm là:

- Ông Trần Ngọc Lan – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Vũ Văn Tính – Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Văn Bảy – Thành viên HĐQT.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng thì cơ cấu thành viên HĐQT của công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

Như vậy Công ty cần phải bầu thay thế 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ III, trong đó tối thiểu phải có 02 thành viên độc lập.

Trên cơ sở danh sách các ứng viên được đề cử, đối chiếu với các quy định của pháp luật và Điều lệ, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1) Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với các ông:

- Ông Trần Ngọc Lan – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Vũ Văn Tính – Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Văn Bảy – Thành viên HĐQT.

Lý do: các cá nhân có đơn xin từ nhiệm để nghỉ hưu theo chế độ.

2) Bầu 03 thành viên HĐQT để thay thế, trong đó có tối thiểu 02 thành viên độc lập với các ứng viên sau:

2.1) Ứng viên 1: Ông (do đề cử).

- Sinh ngày:
- Nơi công tác:
- Nghề nghiệp:



- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay:
- Nhiệm kỳ: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

2.2) Ứng viên 1: Ông (do đề cử).

- Sinh ngày:
- Nơi công tác:
- Nghề nghiệp:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay:
- Nhiệm kỳ: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

2.3) Ứng viên 1: Ông (do đề cử).

- Sinh ngày:
- Nơi công tác:
- Nghề nghiệp:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay:
- Nhiệm kỳ: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

(có cam kết và quá trình công tác của các ứng viên kèm theo)

(lưu ý: ghi rõ ứng viên độc lập hay không độc lập)

Việc bầu cử được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS ban hành kèm theo Quyết định số 17 SĐ10/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2018 của Hội đồng quản trị đã được đăng tải trên Website Công ty từ ngày ban hành.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN NGỌC LAN

- Tờ trình này và thông tin của các ứng viên sẽ được cập nhật trên Website Công ty khi có thêm ứng viên được đề cử, ứng cử và sẽ hoàn thiện để trình Đại hội đồng cổ đông.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

(V/v: xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10

Tôi là: Nguyễn Văn Bảy.

Hiện nay, tôi đang là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10, nhiệm kỳ III (2016 – 2020).

Do đã nghỉ hưu và bận công việc cá nhân nên tôi không thể sắp xếp thời gian để thực hiện nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị. Vì vậy, tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép tôi được từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10, nhiệm kỳ III (2016 – 2020), kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2018.

Rất mong nhận được sự quan tâm, xem xét và chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Số: 9 SD10/HĐQT

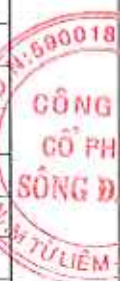
Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

(V/v: thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan)

Thực hiện quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 159 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về việc thông báo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan. Công ty xin thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của Công ty như sau:

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Chức vụ/Quan hệ	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là NLQ
I	Tổ chức			
1	Tổng công ty Sông Đà	công ty mẹ	HN	2006
2	Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 10.1	công ty con	Gia Lai	2005
3	Công ty cổ phần thủy điện Nậm He	công ty con	Điện Biên	2013
II	Cá nhân			
1	Trần Ngọc Lan	Chủ tịch HĐQT	HN	2006
2	Đặng Thị Bích Hòa	Vợ ông Lan	HN	2006
3	Trần Thị Lan Anh	Con ông Lan	HN	2006
4	Vũ Văn Tính	Phó Chủ tịch HĐQT	HN	2006
5	Nguyễn Thị Lụa	Vợ ông Tính	HN	2006
6	Trần Văn Tấn	TV HĐQT kiêm TGD	HN	2011
7	Ngô Thị Kim Nhung	Vợ ông Tấn	HN	2011
8	Nguyễn Văn Bảy	TV HĐQT	HN	2006
9	Trần Tuấn Linh	TV HĐQT- Phó TGD	HN	2006
10	Trần Thị Như Sâm	Mẹ ông Linh	Nam Định	2006
11	Trần Thị Tuyết Nhung	Chị ông Linh	Nam Định	2006
12	Trần Tuấn Dương	Anh ông Linh	Nam Định	2006
13	Đỗ Thị Minh Phương	Vợ ông Linh	Vĩnh Phúc	2008
14	Phạm Thị Thanh Loan	Trưởng ban kiểm soát	HN	27/4/2016
15	Trần Thị Ngọc	Mẹ bà Loan	HN	27/4/2016
16	Lê Việt Hải	Chồng bà Loan	HN	27/4/2016
17	Lê Đại Hiệp	Con bà Loan	HN	27/4/2016
18	Lê Việt Hải	Con bà Loan	HN	27/4/2016
19	Phạm Bách Quang	Anh trai bà Loan	HN	27/4/2016
20	Phạm Thị Hiếu	Em gái bà Loan	HN	27/4/2016
21	Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng	HN	27/4/2016
22	Phạm Thị Nhung	Vợ ông Kiên	HN	27/4/2016
23	Nguyễn Hà Anh	Con ông Kiên	HN	27/4/2016



24	Nguyễn Châu Anh	Con ông Kiên	HN	27/4/2016
25	Lê Mai Hương	KSV	HN	16/4/2013
16	Phạm Hoàng Thái	KSV	HN	27/4/2017
27	Lục Đức Tiến	Phó TGD	Hải Dương	2006
28	Hoàng Ngọc Tú	Phó TGD	HN	15/1/2016
29	Doãn Bích Thảo	Vợ ông Tú	HN	15/1/2016
30	Nguyễn Thế Bảo	Phó TGD	Đà Nẵng	23/11/2017
31	Nguyễn Thị Huyền	Vợ ông Bảo	Đà Nẵng	23/11/2017
32	Nguyễn Thế Dũng	Con ông Bảo	Đà Nẵng	23/11/2017
33	Nguyễn Hà My	Con ông Bảo	Đà Nẵng	23/11/2017
34	Nguyễn Văn Thanh	Thư ký công ty - Người CBTT	HN	2012
35	Nguyễn Xuân Đài	Bố ông Thanh	Nam Định	2012
36	Bùi Thị Oanh	Mẹ ông Thanh	Nam Định	2012
37	Nguyễn Văn Tùng	Em ông Thanh	Nam Định	2012
38	Nguyễn Thị Thảo	Vợ ông Thanh	HN	2012

Danh sách trên cũng đã được gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN NGỌC LAN



Số: 01/NQ-ĐH

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 10 diễn ra từ 8h -:- 11h 30 phút, ngày tháng năm 2018 tại Hội trường Tầng 27, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Có cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua đại diện được uỷ quyền, sở hữu cổ phần, tương ứng% vốn điều lệ Công ty.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP SÔNG ĐÀ 10

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong đó bao gồm:

1) Kết quả SXKD năm 2017:

a) Tổng giá trị SXKD: 1.524,578/1.330 tỷ đồng, đạt 114,6% KH năm.

b) Doanh số: 1.587,676/1.440 tỷ đồng, đạt 110% KH năm.

c) Doanh thu: 1.461,990/1.310 tỷ đồng, đạt 111% KH năm.

d) Nộp nhà nước: 64,789/113,560 tỷ đồng, đạt 57% KH năm.

e) Lợi nhuận trước thuế: 52,467/81,3 tỷ đồng, đạt 64,5% KH năm.

f) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu: 3,59%/6,21%, đạt 58% KH năm.

g) Thu nhập bình quân CBCNV: 12,8/10,5 triệu đồng/người/tháng, đạt 122% KH năm.

h) Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 856,639/831,195 tỷ đồng, đạt 103% KH năm.

i) Kết quả thực hiện đầu tư: 65,598/213,311 tỷ đồng, đạt 30,75% KH năm (trong đó: đầu tư thiết bị thi công 54,999 tỷ đồng, góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan 10,599 tỷ đồng).

j) Mục tiêu tiến độ các công trình: Về cơ bản Công ty đạt được các mục tiêu tiến độ theo kế hoạch đã đề ra, đạt và vượt yêu cầu của Chủ đầu tư theo các hợp đồng đã ký kết.

2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

a) Tổng giá trị SXKD: 1.286 tỷ đồng.

b) Doanh thu: 1.254,605 tỷ đồng.

c) Nộp Nhà nước: 68,134 tỷ đồng.

d) Lợi nhuận trước thuế: 52,308 tỷ đồng.

e) Lợi nhuận sau thuế: 42,155 tỷ đồng.

f) Tỷ suất:

- Lợi nhuận cận biên: 4,2%.

- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: 9,9%.

- Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: 5,5%.

g) Thu nhập bình quân CBCNV: 11,5 triệu đồng/người/tháng.

h) Vốn chủ sở hữu: 807,055 tỷ đồng

i) Vốn điều lệ: 427,324 tỷ đồng.

j) Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến): 8%.

k) Đầu tư: 117,17 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư thiết bị: 85,17 tỷ đồng

- Góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan: 32 tỷ đồng.

l) Mục tiêu tiến độ các công trình: Đáp ứng tiến độ thi công tại các công trình theo các hợp đồng ký kết.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Điều 3. Thông qua báo cáo kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2017	52.467.263.573
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	9.368.675.465
3	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2017 (1-2)	43.098.588.108
4	Lợi nhuận sau thuế thực hiện phân phối năm 2017	35.322.343.623
5	Trích lập các quỹ	9.651.985.023
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.782.234.362
	Trong đó: trích Quỹ thưởng Ban điều hành	250.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	3.869.750.661
6	Thù lao BKS không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	30.972.000
7	Lợi nhuận phân phối năm 2017 (4-5-6)	25.639.386.600
8	Lợi nhuận chi trả cổ tức	25.639.386.600
9	Vốn điều lệ	427.323.110.000
10	Tỷ lệ chia cổ tức	6%
11	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau (3-4)	7.776.244.485

Điều 5. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018:

1) Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2017:

Việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

a) Tiền lương, thù lao được phép chi: **1.316.508.000** đồng. Trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 38,721 triệu đồng/tháng.

- Tiền lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 33,881 triệu đồng/tháng.

- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 20,329 triệu đồng/tháng.

- Thù lao thành viên HĐQT, Kiểm soát viên:
- + Thành viên HĐQT: 3,872 triệu đồng/tháng.
- + Thành viên BKS: 2,581 triệu đồng/tháng.

Với mức trên, tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách là đại diện phần vốn nhà nước là 31,17 triệu đồng/người/tháng, thấp hơn mức bình quân (36 triệu đồng) theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước.

b) Số đã chi: 744.400.000 đồng.

c) Số chưa chi: 572.108.000 đồng.

2) Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018:

- Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Dự toán lương và thù lao 2018	
		Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		9.000.000
3	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách	38.000.000	
4	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		7.000.000
5	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	23.000.000	
6	Thành viên HĐQT		6.000.000
7	Thành viên Ban kiểm soát		4.000.000

- Quyết toán tiền lương, thù lao: Thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT: 25.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 80% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ 01/01/2018.

Điều 6. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

- Đơn vị kiểm toán: **Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.**
- Nội dung công việc chính: soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Phí kiểm toán: **200.000.000** đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.
- Thời gian cung cấp báo cáo sau kiểm toán: trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến cuối cùng của Công ty về dự thảo báo cáo kiểm toán.
- Địa điểm thực hiện: tại đơn vị.

Điều 7. Thông qua ủy quyền cho HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của công ty trong báo cáo tài chính gần nhất như sau:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người liên quan của họ;
- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Thông qua và ban hành lại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty:
(có Điều lệ và Quy chế kèm theo)

Điều 9. Miễn nhiệm và bầu thay thế 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ III, kết quả như sau:

1) Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 22/5/2018 đối với các ông:

- Ông Trần Ngọc Lan – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Vũ Văn Tính – Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Văn Bảy – Thành viên HĐQT.

❖ Lý do: các cá nhân có đơn xin từ nhiệm do đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ.

2) Ông trúng cử làm thành viên HĐQT (thành viên độc lập) từ ngày / / 2018. Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

3) Ông trúng cử làm thành viên HĐQT (thành viên độc lập) từ ngày / / 2018. Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

4) Ông trúng cử làm thành viên HĐQT từ ngày / / 2018. Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Website Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu TCNS.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trần Ngọc Lan

